

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CUM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2017/DS- ST

Ngày 28-8-2017

V/v: “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Cảnh

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Ông Trương Minh Mẫn.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CuM'gar.

- *Đại diện VKS nhân dân huyện CuM'gar:* Ông Phạm Quang Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CuM'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự, về việc “ *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thụ lý số 74/2017/TLST-DS, ngày 04 tháng 4 năm 2017; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thùy T – *Có mặt.*

Trú tại: Thôn PT, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị A – *Có mặt.*

Trú tại: Thôn PT, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Văn L – *Vắng mặt*

Trú tại: Thôn PT, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Nguyên đơn:* Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa bà Lê Thị Thùy T trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 20/11/2015 tôi có cho bà Lê Thị A vay số tiền là 50.000.000đ; tiếp đến vào ngày 30/11/2015 tôi cho vay thêm 70.000.000đ. Tổng cộng hai lần vay là 120.000.000đ. Khi vay hai bên thỏa thuận khi nào cần bà A sẽ trả, mục đích vay là để trả nợ ngân hàng, lãi suất thỏa thuận

miệng, vì là chỗ quen biết nên tôi không yêu bà A phải thế chấp tài sản gì, hai bên có lập thành 01 giấy vay tiền, người ký vay là bà Lê Thị A.

Khi cần tiền tôi đã nhiều lần yêu cầu bà A trả nhưng bà A không chịu trả. Nay tôi yêu cầu bà Lê Thị A phải trả dứt điểm một lần cho tôi số nợ 120.000.000đ đã vay và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Bị đơn :** Bà Lê Thị A tại bản tự khai và tại phiên tòa trình bày.

Do có mối quan hệ quen biết, nên vào ngày 20/11/2015 tôi có vay của bà Lê Thị Thùy T số tiền là 50.000.000đ; tiếp đến vào ngày 30/11/2015 tôi vay thêm 70.000.000đ. Tổng cộng hai lần vay là 120.000.000đ. Khi vay hai bên có viết giấy vay tiền tôi ký, không thỏa thuận thời hạn trả nợ cụ thể mà chỉ khi nào cần bà T báo trước một thời gian tôi sẽ trả. lãi suất thỏa thuận miệng 5.000đ/1.000.000đ/ngày. Khi vay tôi không thế chấp tài sản gì, mục đích vay là để làm vốn mua bán mủ cao su.

Nay tôi xác định còn nợ bà T số tiền nợ gốc là 120.000.000đ tiền gốc. vì điều kiện làm ăn gặp khó khăn nên tôi xin mỗi năm trả cho bà T 40.000.000đ, còn nếu bà T không đồng ý thì tôi sẽ sang nhượng 6.000m² đất rồi sẽ trả nợ cho bà. Về lãi suất tôi xin bà T không tính lãi suất nữa.

Về nghĩa vụ trả nợ của ông Lê Văn L chồng tôi, thì khi vay chỉ một mình tôi và bà T giao dịch và thỏa thuận về việc vay mượn với nhau, chồng tôi không biết, không ký giấy vay. Vì vậy tôi không yêu cầu ông Lê Văn L phải có nghĩa vụ cùng trả nợ với tôi.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Lê Văn L.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng khác cho ông Lê Văn L, nhưng ông không lên Tòa án giải quyết. Vì vậy Tòa án không lấy được lời khai cũng như không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar phát biểu kiến:

- *Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán:* Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán cơ bản đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Đối với đương sự:*

Nguyên đơn: Thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn: Chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70; Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Không thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 70; Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Về quan hệ pháp luật tranh chấp đây là quan hệ về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, quy định tại điều Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005. Việc vay mượn tiền giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật về nội dung và hình thức. Đến hạn trả nợ người vay không trả được nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Căn cứ các Điều 290; Điều 298; Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Lê Thị A phải trả cho bà Lê Thị Thùy T số tiền là 120.000.000đ nợ gốc và nợ lãi là 29.165.000 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án.

Kiến nghị khắc phục: Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cần thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 70; Điều 72; Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Xét thấy việc bà Lê Thị A có ký hợp đồng vay tiền với bà Lê Thị Thùy T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, do không trả được nợ đúng hạn nên đã phát sinh quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung:* Việc hai bên ký kết hợp đồng vay tài sản vào ngày 20/11/2015 và ngày 30/11/2015 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Hai bên có viết giấy vay nợ bà A có ký giấy vay, không thỏa thuận thời hạn trả nợ cụ thể mà chỉ khi nào cần bà T báo trước bà A sẽ trả, không ghi lãi suất

trong giấy vay, nhưng hai bên có thỏa thuận miệng về lãi suất. Như vậy đây là giao dịch dân sự được quy định trong bộ luật dân sự thông qua hợp đồng vay tài sản, được quy định tại Điều 471 Bộ Luật dân sự năm 2005. Đến hạn trả nợ bà Lê Thị A không thực hiện nghĩa vụ như thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, được quy định tại điều 474 Bộ Luật dân sự năm 2005. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà T yêu cầu bà Lê Thị A và ông Lê Văn L phải có nghĩa vụ trả cho bà khoản nợ gốc 120.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay. Về phía bà A thừa nhận có vay của bà T số tiền trên, mục đích vay là để đầu tư buôn bán mủ cao su, lãi suất thỏa thuận miệng. Hiện tại bà xác định còn nợ bà T 120.000.000đ tiền gốc và xin chịu trách nhiệm trả nợ cho bà T theo phương án mỗi năm trả 40.000.000đ cho đến khi trả xong nợ gốc và bà xin không tính lãi suất.

Về nghĩa vụ trả nợ của ông Lê Văn L, quá trình thực hiện giao dịch vay nợ giữa các bên, ông Lập không ký giấy vay nợ. Trong nội dung đơn khởi kiện nguyên đơn cũng chỉ yêu cầu một mình bà A trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy đây là một số tiền lớn, việc vay mượn cần phải có sự đồng thuận của cả hai vợ chồng mới đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp giữa các bên liên quan. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy, không buộc ông Lê Văn L có nghĩa vụ phải trả nợ là có căn cứ.

Từ những căn cứ nêu trên; Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Thùy T. Buộc bà Lê Thị A có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền nợ gốc 120.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay là có cơ sở cần chấp nhận.

[4] *Về lãi suất*: Tại giấy vay tiền ngày 20/11/2015 và ngày 30/11/2015 không ghi lãi suất. Tuy nhiên quá trình giải quyết và tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận khoản vay này có thỏa thuận miệng về lãi suất từ ngày vay, nhưng hai bên không thống nhất được mức lãi suất. Vì vậy cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và Quyết định số 2868/QĐ-NHNN, ngày 01/12/2010, với mức lãi suất là 0,75%/tháng (*tương đương 9%/ năm*) để tính lãi suất là phù hợp. Cụ thể:

1/ Khoản vay 50.000.000đ, ngày 20/11/2015.

- Tiền lãi tính từ ngày 20/11/2015 (*ngày vay*) đến ngày 16/3/2017 (*ngày khởi kiện*) là 15 tháng, 24 ngày (*lãi suất 0,75%/ tháng*):

$50.000.000đ \times 0,75\%/tháng \times 15\text{tháng}, 24 \text{ ngày} = 5.925.000 \text{ đồng}$

- Tiền lãi tính từ ngày 17/3/2017 đến ngày 28/8/2017 (*ngày xét xử*) là 05 tháng, 11 ngày (*lãi suất 0,75%/tháng x 150%*):

$50.000.000đ \times 0,75\%/tháng \times 150\% \text{ 05 tháng}, 11 \text{ ngày} = 3.018.750 \text{ đồng}$

Tổng cộng tiền lãi: **8.943.750đ.**

2/ Khoản vay 70.000.000đ, vay ngày 30/11/2015

- Tiền lãi tính từ ngày 30/11/2015 (ngày vay) đến ngày 16/3/2017 (ngày khởi kiện) là 15 tháng 14 ngày (lãi suất 0,75%/tháng):

$70.000.000đ \times 0,75\%/tháng \times 15 \text{ tháng } 14 \text{ ngày} = 8.120.000 \text{ đồng}$

- Tiền lãi tính từ ngày 17/3/2017 đến ngày 28/8/2017 (ngày xét xử) là 15 tháng 11 ngày (lãi suất 0,75%/tháng x 150%):

$70.000.000đ \times 0,75\%/tháng \times 150\% \times 15 \text{ tháng } 11 \text{ ngày} = 12.101.250 \text{ đồng}$

Tổng cộng tiền lãi: 20.221.250đ

Tổng cộng 02 khoản tiền lãi là: **29.165.000 đồng**.

Tổng cộng cả tiền gốc và lãi bà Lê Thị A phải trả là: **149.165.000 đồng**.

[5] Về án phí án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Lê Thị Thùy T không phải chịu án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn bà Lê Thị A phải nộp 7.458.000đ án phí dân sự sơ thẩm

Cụ thể: $149.165.000đ \times 5\% = 7.458.000đ$ (làm tròn).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 290; Điều 471; Điều 474, Điều 476, Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 357 bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 01/12/2010, của Ngân hàng nhà nước quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam.

- Áp dụng Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thùy T.

Buộc bà Lê Thị A phải trả cho bà Lê Thị Thùy T số tiền là 120.000.000đ nợ gốc và nợ lãi là 29.165.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 149.165.000 đồng (một trăm bốn mươi chín triệu một trăm sáu mươi lăm ngàn đồng)

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi người được thi hành án có đơn yêu cầu.

*** Về án phí án phí dân sự sơ thẩm:**

- Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Thùy T khoản tiền tạm ứng đã nộp là 3.000.000đ, theo biên lai số AA/2014/0040099, ngày 23/3/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà Lê Thị A phải chịu 7.458.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niên yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhân:**

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện C;
- CCTHA huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VPCQ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Cảnh